CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi là biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc)[1].

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

[1] Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là Nghị định số 221/2013/NĐ-CP).".

Nghị định này quy định về trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị, thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và tổ chức hoạt động của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nơi cư trú ổn định là nơi người vi phạm thường trú hoặc tạm trú, nhưng phải là nơi người đó hiện đang thường xuyên sinh sống.

2. Học viên là người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Người sử dụng ma túy trái phép là người đưa ma túy vào cơ thể mà không theo chỉ định của y, bác sỹ điều trị.

Điều 3. Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc[2]

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy hoặc trong thời hạn 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy mà vẫn còn nghiện.

2. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, có nơi cư trú ổn định, bị chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy.

3. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên, không có nơi cư trú ổn định.

Điều 4. Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 03 tháng, kể từ ngày cá nhân thực hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép lần cuối bị phát hiện và lập biên bản theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 5.[3] *(được bãi bỏ)*

---

[2] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

[3] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

Điều 6. Những hành vi bị nghiêm cấm trong việc lập hồ sơ đề nghị và thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và người phải thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sách nhiễu, đòi nhận tiền, tài sản, hạn chế quyền hợp pháp của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và người phải thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; hồ sơ đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; hồ sơ đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Lợi dụng, bóc lột sức lao động, giao khoán sản phẩm đối với người chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

5. Yêu cầu hoặc gợi ý người chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc gia đình họ đóng góp tiền hoặc vật chất khác ngoài các quy định của pháp luật.

6. Kéo dài quá thời hạn áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong quyết định của Tòa án.

Điều 7. Kinh phí bảo đảm cho việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Kinh phí bảo đảm cho việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LẬP HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 8. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Khi phát hiện người sử dụng ma túy trái phép, Công an cấp xã nơi người đó có hành vi vi phạm lập biên bản về hành vi sử dụng ma túy trái phép của người đó

và tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp cá nhân, tổ chức phát hiện người sử dụng ma túy trái phép thì báo cho cơ quan Công an cấp xã nơi người có hành vi vi phạm để lập biên bản và xác minh, thu thập tài liệu, lập hồ sơ:

a) Trường hợp người vi phạm cư trú tại xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm và đã được giáo dục tại xã, phường, thị trấn do nghiện ma túy thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định này;

b) Trường hợp người vi phạm có nơi cư trú không thuộc xã, phường, thị trấn nơi xảy ra vi phạm thì bàn giao người và biên bản vi phạm cho cơ quan Công an cấp xã nơi người vi phạm cư trú để tiến hành lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định này. Việc bàn giao phải được lập thành biên bản, mỗi bên giữ một bản;

c) Trường hợp chưa xác định được nơi cư trú ổn định của người vi phạm, thì tiến hành xác định nơi cư trú ổn định của người đó. Trong thời gian 15 ngày làm việc, nếu xác định được nơi cư trú ổn định thì thực hiện theo Điểm a hoặc Điểm b Khoản 1 Điều này; nếu không xác định được nơi cư trú ổn định thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định này.

2. Trong quá trình điều tra, thụ lý các vụ vi phạm pháp luật, cơ quan Công an cấp huyện hoặc cơ quan Công an cấp tỉnh phát hiện hành vi sử dụng ma túy trái phép hoặc dấu hiệu nghiện ma túy của người vi phạm thì tiến hành lập biên bản, xác minh, thu thập tài liệu và lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với người đó:

a) Trường hợp người vi phạm thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định này thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định này. Hồ sơ được gửi cho phòng Tư pháp cấp huyện nơi người đó cư trú.

b) Trường hợp người vi phạm thuộc quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này thì lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định này. Hồ sơ được gửi cho phòng Tư pháp cấp huyện nơi cơ quan lập hồ sơ đóng trụ sở.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc[4]

1. Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định:

a) Bản tóm tắt lý lịch của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Bản tường trình của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

c) Biên bản vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc phiếu xét nghiệm có kết quả dương tính với chất ma túy tại thời điểm lập hồ sơ;

d) Bản sao giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này hoặc bản sao Quyết định chấm dứt thi hành quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

2. Đối với người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định:

a) Tài liệu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

b) Phiếu trả lời kết quả của người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này về tình trạng nghiện ma túy hiện tại của người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Tài liệu xác định người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định.

Điều 10. Thẩm quyền xác định người nghiện ma túy

1.[5] Người có thẩm quyền xác định tình trạng nghiện ma túy là bác sỹ, y sĩ, được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ tập huấn về chẩn đoán, điều trị cắt cơn nghiện ma túy do các cơ quan, tổ chức được Bộ Y tế giao tổ chức tập huấn và cấp chứng chỉ, đang làm việc tại: Các cơ sở y tế quân y, y tế quân dân y; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của ngành công an; phòng y tế của cơ sở cai nghiện bắt buộc; phòng y tế của các cơ sở có chức năng tiếp nhận, quản lý người nghiện ma túy không có nơi cư trú ổn định, trong thời gian lập hồ sơ để Tòa án nhân dân xem

---

[4] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

[5] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

xét quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; trạm y tế xã, phường, thị trấn; phòng khám đa khoa khu vực; bệnh viện cấp huyện trở lên và bệnh viện thuộc các bộ, ngành khác.

2. Người có thẩm quyền xác định người nghiện ma túy phải chịu trách nhiệm về việc xác định của mình trước pháp luật.

Điều 11. Thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 9 Nghị định này, cơ quan lập hồ sơ thông báo bằng văn bản về việc lập hồ sơ cho người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

2. Văn bản thông báo về việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Họ và tên người vi phạm;

b) Lý do lập hồ sơ đề nghị;

c) Quyền của người được thông báo: người được thông báo có quyền đọc, ghi chép, sao chụp hồ sơ và phát biểu ý kiến về việc lập hồ sơ tại Tòa án nhân dân cấp huyện;

d) Địa điểm đọc hồ sơ;

đ) Thời gian đọc hồ sơ: thời gian đọc hồ sơ là 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 12. Gửi hồ sơ để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1.[6] Hết thời hạn đọc hồ sơ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 11 Nghị định này, cơ quan lập hồ sơ đánh bút lục, lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, chuyển hồ sơ kèm theo văn bản của cơ quan lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, như sau:

a) Đối với hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này được chuyển tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi người bị đề nghị áp dụng biện pháp xử lý hành chính cư trú để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ;

---

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

b) Đối với hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này thì chuyển hồ sơ tới Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện nơi cơ quan lập hồ sơ đóng trụ sở để kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ. Kết quả kiểm tra phải được thể hiện bằng văn bản và gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cùng cấp.

3. Việc kiểm tra tính pháp lý của hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều này phải bảo đảm phù hợp, đầy đủ theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính đối với các vấn đề sau:

a) Các tài liệu, giấy tờ trong hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Thời hiệu áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 4 Nghị định này;

c) Đối tượng áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 3 Nghị định này;

d) Thời hạn được coi là chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 của Luật xử lý vi phạm hành chính;

đ) Thẩm quyền lập hồ sơ;

e) Trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 13. Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đối chiếu hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 9 Nghị định này với nội dung văn bản kiểm tra tính pháp lý của Trưởng phòng Tư pháp cấp huyện.

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì đánh bút lục và lập thành hai bản, bản gốc chuyển cho Tòa án nhân dân cấp huyện, bản sao lưu tại phòng Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

b)[7] Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì có văn bản đề nghị cơ quan lập hồ sơ bổ sung, trong đó nêu rõ lý do và các tài liệu cần bổ sung vào hồ sơ. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan lập hồ sơ phải bổ sung các tài liệu theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, nếu hồ sơ không được bổ sung, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trả lại hồ sơ cho cơ quan lập hồ sơ đồng thời thông báo bằng văn bản cho Trưởng phòng Tư pháp và người bị lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Điều 9 Nghị định này;

b) Văn bản đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện về việc xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi Tòa án nhân dân cùng cấp. Văn bản nêu rõ tên cơ sở cai nghiện bắt buộc mà người bị đề nghị áp dụng biện pháp này sẽ phải thi hành.

3. Trường hợp Tòa án có văn bản đề nghị làm rõ một số nội dung trong hồ sơ, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 14. Giao cho tổ chức xã hội quản lý người không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Tổ chức xã hội quản lý người không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải bảo đảm các điều kiện:

a) Về cơ sở vật chất, thiết bị: cơ sở phải xây dựng thành khu liên hoàn, cách ly với môi trường bên ngoài để tránh thẩm lậu ma túy và tối thiểu phải có 03 phòng chức năng và các thiết bị kèm theo như sau:

- Phòng khám và cấp cứu: diện tích tối thiểu 10 m^2 trong đó có tủ thuốc với đầy đủ các danh mục thuốc, dụng cụ cấp cứu theo quy định của Bộ Y tế;

---

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

- Phòng lưu bệnh nhân: diện tích tối thiểu 8 m^2 và bằng hoặc lớn hơn 4 m^2/người điều trị; trong phòng có đủ mỗi bệnh nhân 01 bộ dụng cụ sinh hoạt gồm giường, chiếu, ga, gối, chăn, màn;

- Phòng thường trực của cán bộ y tế, bảo vệ;

b) Về nhân sự phải có tối thiểu 04 người gồm: phụ trách đơn vị điều trị cắt cơn là y, bác sỹ chuyên khoa tâm thần hoặc đa khoa có chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật khám bệnh, chữa bệnh và có chứng chỉ tập huấn về điều trị cắt cơn nghiện ma túy; 01 y, bác sỹ điều trị; 01 điều dưỡng viên; 01 bảo vệ.

2. Tổ chức xã hội có trách nhiệm quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời gian làm thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 131 Luật xử lý vi phạm hành chính và hỗ trợ điều trị cắt cơn nghiện theo quy định của Bộ Y tế.

3. Tổ chức xã hội tham gia quản lý tại Khoản 2 Điều này được hỗ trợ kinh phí trong quá trình quản lý người bị đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bao gồm: hỗ trợ trực tiếp cho người của tổ chức xã hội được phân công quản lý, giúp đỡ người nghiện; hỗ trợ tiền ăn, tiền thuốc chữa bệnh thông thường và các chi phí sinh hoạt khác cho người nghiện.

4. Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Nội vụ hướng dẫn điều kiện đảm bảo cho việc tổ chức quản lý người không có nơi cư trú ổn định trong thời gian lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chương III
THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 15. Đưa người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, cơ quan Công an cấp huyện chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đưa người đi thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Việc đưa người chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc phải được lập thành biên bản, có sự chứng kiến của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, ấp, bản hoặc tương đương nơi người phải chấp

hành quyết định cư trú. Biên bản được lập thành 03 bản, một bản gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định, một bản gửi cơ quan lập hồ sơ và một bản lưu tại cơ quan công an cấp huyện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 16. Thủ tục tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Khi tiếp nhận người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc phải kiểm tra đối chiếu người, giấy chứng minh nhân dân (nếu có) hoặc dấu vân tay với các thông tin trong hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này để bảo đảm đúng người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và lập biên bản giao nhận người, biên bản ghi rõ tình trạng sức khỏe của người đó, tài liệu, hồ sơ, tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo. Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện để lưu hồ sơ và 01 bản gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định.

2. Hồ sơ tiếp nhận người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm:

a) Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện;

b) Bản sao biên bản đưa người thi hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do cơ quan Công an cấp huyện cung cấp;

c) Bản sao tóm tắt lý lịch của người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc do cơ quan lập hồ sơ cung cấp.

3. Bộ phận Y tế của cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm kiểm tra sức khỏe và lập hồ sơ bệnh án của người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để theo dõi, quản lý; điều trị thích hợp.

Điều 17. Truy tìm đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn

1. Trường hợp người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn trước khi đưa vào cơ sở, thì cơ quan Công an cấp huyện nơi Tòa án quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm.

2. Trường hợp người đang chấp hành tại cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm đối tượng. Cơ quan Công an có trách nhiệm phối hợp với cơ sở cai nghiện bắt buộc trong việc truy tìm đối tượng để đưa người đó trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

3. Trường hợp tìm được người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc bỏ trốn mà không tự nguyện chấp hành yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì bị áp giải đưa trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 112/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định hình thức xử phạt trục xuất, biện pháp tạm giữ người, áp giải người vi phạm theo thủ tục hành chính và quản lý người nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam trong thời gian làm thủ tục trục xuất.

4. Thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 18. Hoãn, miễn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được hoãn chấp hành quyết định trong các trường hợp sau đây:

a) Đang ốm nặng có chứng nhận của bệnh viện;

b) Gia đình có khó khăn đặc biệt được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Gia đình có khó khăn đặc biệt là gia đình gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, không có tài sản có giá trị để tạo thu nhập phục vụ sinh hoạt hoặc có bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con bị ốm nặng kéo dài, không có người chăm sóc mà người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là lao động duy nhất của gia đình đó và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Khi điều kiện hoãn chấp hành quyết định không còn thì quyết định được tiếp tục thi hành.

2. Người phải chấp hành quyết định nhưng chưa đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được miễn chấp hành quyết định theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện;

b) Trong thời gian hoãn chấp hành quyết định quy định tại Khoản 1 Điều này mà người đó có tiến bộ rõ rệt trong việc chấp hành pháp luật hoặc lập công hoặc không còn nghiện ma túy;

Người tiến bộ rõ rệt là người tích cực lao động, học tập, tham gia các phong trào chung của địa phương, nghiêm chỉnh chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú xác nhận.

Người lập công là người dũng cảm cứu người, cứu được tài sản của Nhà nước, của tập thể hoặc của người khác và được Ủy ban nhân dân cấp xã khen thưởng; có sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động, sản xuất, được cơ quan chức năng từ cấp tỉnh trở lên công nhận; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và được tặng giấy khen của Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên.

c) Đang mang thai có chứng nhận của bệnh viện.

3. Thủ tục đề nghị hoãn miễn chấp hành quyết định:

a) Hồ sơ đề nghị hoãn miễn bao gồm:

Đơn đề nghị hoãn, miễn chấp hành quyết định của người phải chấp hành hoặc người đại diện hợp pháp của họ;

Tài liệu chứng minh thuộc diện được hoãn, miễn chấp hành quyết định theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

b) Hồ sơ đề nghị gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 19. Giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Học viên đã chấp hành một nửa thời hạn quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, nếu có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được xét giảm một phần hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

Học viên có tiến bộ rõ rệt là người nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế, quy trình cai nghiện tại cơ sở, tích cực lao động, học tập, tham gia các phong trào chung của cơ sở và được Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của cơ sở cai nghiện bắt buộc (sau đây gọi tắt là Hội đồng) công nhận.

Học viên lập công là người dũng cảm cứu người, cứu được tài sản của Nhà nước, của tập thể hoặc của người khác và được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc khen thưởng; có sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị trong lao động, sản xuất, được cơ quan chức năng từ cấp tỉnh trở lên công nhận; có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và được tặng giấy khen của Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên.

2. Học viên bị mắc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai trong thời gian chấp hành quyết định thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

3. Trường hợp người đang chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc ốm nặng có xác nhận của bệnh viện mà được đưa về gia đình điều trị thì được tạm đình chỉ chấp hành quyết định; thời gian điều trị được tính vào thời gian chấp hành quyết định; sau khi sức khỏe được phục hồi mà thời hạn chấp hành còn lại từ 03 tháng trở lên thì người đó phải tiếp tục chấp hành; trong thời gian tạm đình chỉ thi hành quyết định mà người đó có tiến bộ rõ rệt hoặc lập công thì được miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

4. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có học viên thuộc diện được giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị và tổ chức họp Hội đồng xem xét đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại.

5. Căn cứ danh sách học viên được đề xuất, Hội đồng xem xét, biểu quyết đối với từng trường hợp cụ thể và kết luận theo đa số. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

6. Trong thời hạn 02 ngày, kể từ khi nhận được Biên bản họp của Hội đồng, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc lập hồ sơ đề nghị gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở xem xét quyết định.

Hồ sơ đề nghị gồm:

a) Văn bản đề nghị của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Danh sách học viên được đề nghị giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại;

c) Biên bản họp Hội đồng;

d) Kết quả nhận xét, đánh giá hàng tháng của tổ, đội và bản thành tích của từng học viên được đề nghị;

đ) Giấy xác nhận của bệnh viện về tình trạng sức khỏe đối với các trường hợp ốm nặng, bệnh hiểm nghèo, phụ nữ mang thai.

7. Trong thời gian chờ Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định, nếu người được đề nghị có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng và làm văn bản đề nghị đưa người đó ra khỏi danh sách xem xét giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn phần thời gian còn lại gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi nhận hồ sơ. Trường hợp đã có quyết định giảm thời hạn, tạm đình chỉ hoặc miễn phần

thời gian còn lại nhưng chưa thi hành thì đề nghị Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét hủy quyết định.

Điều 20. Tạm thời đưa học viên ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự

1. Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định tạm thời đưa người đang chấp hành quyết định ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc để tham gia tố tụng trong các vụ án có liên quan đến người đó. Cơ quan tiến hành tố tụng hình sự là các cơ quan được quy định tại Khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng hình sự.

Yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự phải thể hiện bằng văn bản gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc trước khi đưa người đang chấp hành quyết định ra khỏi cơ sở. Văn bản yêu cầu phải có các nội dung chủ yếu sau: họ tên học viên, lý do và thời gian đưa học viên ra khỏi cơ sở.

2. Cơ quan có yêu cầu đưa học viên ra khỏi cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu trách nhiệm đưa đối tượng đi và đưa đối tượng trở lại cơ sở đúng thời hạn đã ghi trong quyết định tạm thời đưa học viên ra khỏi cơ sở. Khi giao, nhận học viên phải lập biên bản theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp cần gia hạn thì Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền phải có văn bản đề nghị Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc về việc gia hạn.

Điều 21. Giải quyết trường hợp học viên chết trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Trong thời gian đang chấp hành quyết định, nếu học viên bị chết thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc phải báo ngay cho cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, cơ quan y tế gần nhất để lập biên bản xác nhận nguyên nhân chết. Việc lập biên bản phải có học viên làm chứng. Trong trường hợp cần thiết thì trưng cầu giám định pháp y.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm thông báo ngay cho thân nhân học viên chết biết để mai táng. Trường hợp không có thân nhân hoặc thân nhân không đến trong vòng 24 giờ thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức mai táng.

Điều 22. Quản lý học viên

1. Học viên được bố trí chỗ ở, sinh hoạt theo tổ, đội và phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Căn cứ nội quy, quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc, hàng tháng, quý, các tổ, đội tổ chức sinh hoạt để đánh giá kết quả rèn luyện, học tập, lao động của từng học viên và bình bầu, xếp loại theo 04 mức: tốt, khá, trung bình và yếu.

3. Tiêu chí xếp loại học viên do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng và ban hành. Học viên phải được tham gia vào quá trình xây dựng tiêu chí xếp loại học viên.

4. Thứ bảy tuần cuối cùng của mỗi tháng, các tổ, đội tiến hành họp bình xét, xếp loại cho từng thành viên. Căn cứ vào tiêu chí xếp loại học viên, từng học viên tự đánh giá xếp loại cho mình, các thành viên khác nhận xét và biểu quyết thông qua. Kết quả bình xét được thông qua khi có ít nhất 2/3 số người dự họp đồng ý. Việc bình xét phải được lập thành biên bản có chữ ký của Tổ trưởng hoặc Đội trưởng và cán bộ phụ trách.

5. Kết quả xếp loại học viên được thông báo công khai trên phương tiện thông tin của cơ sở cai nghiện bắt buộc trong 03 ngày tuần đầu của tháng tiếp theo để lấy ý kiến rộng rãi. Nếu không có ý kiến khiếu nại, Tổ trưởng gửi kết quả xếp loại về Phòng quản lý học viên để ghi vào Phiếu theo dõi đánh giá, xếp loại học viên trong bộ hồ sơ quản lý học viên.

6. Trường hợp có khiếu nại về kết quả xếp loại học viên, trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, cán bộ phụ trách tổ, đội có học viên được xếp loại triệu tập họp tổ, đội để xem xét. Việc xem xét được lập thành biên bản gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc để quyết định.

7. Học viên có thời gian cai nghiện, chữa trị tại cơ sở cai nghiện bắt buộc từ đủ ba tuần trở lên được xếp loại theo tháng; nếu từ đủ hai tháng trở lên được xếp loại theo quý. Việc xếp loại được thực hiện theo hướng dẫn tiêu chí xếp loại học viên.

Điều 23. Chế độ cai nghiện, chăm sóc sức khỏe

1. Học viên được sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện để xây dựng và thực hiện kế hoạch cai nghiện phù hợp. Học viên được tư vấn, được tham gia sinh hoạt nhóm nhằm giúp họ thay đổi hành vi, nâng cao kỹ năng sống, kỹ năng giải quyết tình huống gặp phải trong quá trình cai nghiện và kỹ năng phòng chống tái nghiện.

2. Học viên được điều trị cắt cơn, giải độc; điều trị rối loạn tâm thần và điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội. Việc điều trị phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

3. Học viên được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe và định kỳ 06 tháng được khám, kiểm tra sức khỏe. Việc khám sức khỏe định kỳ phải được lập thành phiếu khám sức khỏe và được lưu trong hồ sơ theo dõi sức khỏe.

4. Học viên bị ốm nặng hoặc mắc bệnh hiểm nghèo vượt quá khả năng điều trị của cơ sở cai nghiện bắt buộc thì được chuyển tới cơ sở y tế hoặc đưa về gia đình để chữa trị, chăm sóc. Chi phí điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do bản thân học viên hoặc gia đình học viên tự thanh toán.

Trường hợp học viên có bảo hiểm y tế còn thời hạn sử dụng thì được quỹ bảo hiểm y tế chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

Trường hợp học viên không có bảo hiểm y tế, cơ sở cai nghiện bắt buộc hỗ trợ đối với học viên là thân nhân của người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, đối tượng thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo. Mức hỗ trợ bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho đối tượng tương ứng. Trường hợp học viên không thuộc đối tượng này nhưng không còn thân nhân, cơ sở cai nghiện bắt buộc hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo mức bằng mức quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho đối tượng thuộc hộ nghèo.

Điều 24. Chế độ ăn, mặc và sinh hoạt

1.[8] Định mức tiền ăn hàng tháng của học viên là 0,8 mức lương cơ sở. Ngày lễ, Tết dương lịch học viên được ăn thêm không quá 03 lần tiêu chuẩn ngày thường; các ngày Tết nguyên đán học viên được ăn thêm không quá 05 lần tiêu chuẩn ngày thường; chế độ ăn đối với học viên bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc quyết định theo chỉ định của cán bộ y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ngày thường.

2.[9] Định mức tiền chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ hàng năm của học viên là 0,9 mức lương cơ sở.

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

[9] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

3. Cơ sở cai nghiện bắt buộc tổ chức tiếp sóng các chương trình thời sự trên hệ thống truyền thanh, truyền hình để học viên được tiếp cận các thông tin cần thiết hàng ngày; tổ chức cho học viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài thời gian học tập và lao động. Căn cứ quy mô và điều kiện, cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng tủ sách và phòng đọc cho học viên, định kỳ hàng tháng, hàng quý tổ chức giao lưu văn nghệ giữa các tổ, đội.

3a.[10] Căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn định mức tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 25. Chế độ học văn hóa

1. Học viên được tham gia các lớp học văn hóa phù hợp với trình độ của mình. Căn cứ vào khả năng và điều kiện thực tế, cơ sở cai nghiện bắt buộc tổ chức dạy văn hóa theo quy định của pháp luật. Cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tổ chức các lớp học xóa mù chữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục và đào tạo tại địa phương tổ chức thi học kỳ, kết thúc năm học, chuyển cấp, tuyển chọn học sinh giỏi và cấp văn bằng chứng chỉ học văn hóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Sổ điểm, học bạ, hồ sơ và các biểu mẫu liên quan đến việc học văn hóa ở cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 26. Chế độ học nghề

1. Học viên chưa có nghề hoặc có nghề nhưng không phù hợp thì được tham gia học nghề.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc thực hiện hoạt động dạy nghề khi có đủ các điều kiện cần thiết về diện tích phòng học, diện tích nhà xưởng, thiết bị dạy nghề, đội ngũ giáo viên, chương trình, giáo trình và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động dạy nghề.

3. Trường hợp không đảm bảo các điều kiện dạy nghề nêu trên, cơ sở cai nghiện bắt buộc được phép tổ chức liên kết đào tạo với các trường dạy nghề, các

---

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

cơ sở dạy nghề khác tại địa phương. Hình thức liên kết và nội dung dạy nghề phải bảo đảm tuân thủ theo quy định của pháp luật về dạy nghề.

Điều 27. Chế độ lao động[11]

1. Lao động trị liệu đối với học viên tại cơ sở cai nghiện nhằm mục đích trị liệu, giúp học viên nhận thức được giá trị của lao động, rèn luyện tay nghề và phục hồi kỹ năng lao động đã bị suy giảm do nghiện ma túy.

2. Học viên được nghỉ lao động trị liệu trong các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật. Thời gian lao động trị liệu của học viên không quá 04 giờ/ngày. Không tổ chức lao động trị liệu cho học viên trong thời gian cắt cơn giải độc.

3. Học viên tham gia lao động trị liệu được phân công công việc phù hợp với sức khỏe, độ tuổi và giới tính.

4. Học viên có nhu cầu và tự nguyện lao động để có thu nhập thì cơ sở cai nghiện tổ chức cho học viên lao động, việc tổ chức lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động.

5. Học viên tham gia lao động trị liệu, lao động tự nguyện được hưởng thành quả lao động phù hợp với kết quả lao động của họ.

Điều 28. Chế độ thăm, gặp thân nhân

1. Học viên được quyền thăm gặp thân nhân tại phòng thăm gặp của cơ sở cai nghiện bắt buộc, một tuần một lần, mỗi lần không quá 02 giờ và tối đa không quá 03 thân nhân. Trường hợp gặp lâu hơn phải được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc đồng ý và tối đa không quá 04 giờ. Học viên có vợ hoặc chồng, được Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc xem xét, cho phép thăm gặp tại phòng riêng của cơ sở cai nghiện bắt buộc một lần trong tháng và tối đa không quá 48 giờ cho một lần gặp. Căn cứ quy mô và điều kiện thực tế, cơ sở cai nghiện bắt buộc xây dựng phòng để học viên gặp gia đình.

2. Việc tổ chức thăm, gặp thân nhân được thực hiện theo quy chế của cơ sở cai nghiện bắt buộc. Quy chế thăm gặp của cơ sở cai nghiện bắt buộc ban hành theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

---

[11] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

Điều 29. Giải quyết chế độ chịu tang

1. Khi có bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con chết thì học viên được phép về để chịu tang. Thời gian về chịu tang tối đa không quá 05 ngày, không kể thời gian đi đường và được tính vào thời hạn chấp hành quyết định.

2. Gia đình học viên phải làm đơn đề nghị cho học viên về chịu tang, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên cư trú, gửi Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc. Nội dung đơn phải nêu rõ họ tên, số chứng minh nhân dân, nơi cư trú, mối quan hệ với học viên, thời gian đề nghị cho học viên được về chịu tang và cam kết quản lý, giám sát không để học viên sử dụng ma túy trái phép hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác trong thời gian về chịu tang. Gia đình học viên có trách nhiệm đón học viên về và bàn giao học viên lại cho cơ sở cai nghiện bắt buộc khi hết thời gian chịu tang, mọi chi phí đưa đón học viên do gia đình học viên chi trả.

3. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đơn, Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm xem xét, quyết định việc cho học viên về chịu tang. Quyết định cho về phải được lập bằng văn bản, nêu rõ thời gian được về, trách nhiệm của gia đình trong việc đón, đưa và quản lý học viên trong thời gian về chịu tang. Quyết định được lập thành 03 bản: 01 bản gửi cho gia đình học viên, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để phối hợp quản lý và 01 bản lưu trong hồ sơ học viên.

4. Việc giao và nhận học viên giữa cơ sở cai nghiện bắt buộc với gia đình phải được lập thành biên bản ghi rõ họ tên học viên, thời gian, họ tên người giao, họ tên người nhận, biên bản lập thành 02 bản mỗi bên giữ một bản.

5. Hết thời hạn ghi trong quyết định tại Khoản 3 Điều này, học viên quay trở lại thì cơ sở cai nghiện bắt buộc phải thực hiện kiểm tra sức khỏe đối với học viên đó để có các can thiệp phù hợp. Trường hợp học viên không trở lại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ra quyết định truy tìm theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng

1. Trước khi hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 03 tháng, cán bộ tư vấn hướng dẫn học viên chuẩn bị xây dựng kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng.

2. Trước khi hết thời hạn chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 45 ngày, cơ sở cai nghiện bắt buộc gửi thông

báo về việc học viên chuẩn bị tái hòa nhập cộng đồng cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên cư trú và kèm theo các nhu cầu của học viên cần sự hỗ trợ của gia đình và cộng đồng để xây dựng và thực hiện kế hoạch tái hòa nhập cộng đồng khi học viên trở về địa phương.

3. Cơ sở cai nghiện bắt buộc có trách nhiệm tư vấn cho học viên về việc tái hòa nhập cộng đồng: các chế độ, các dịch vụ y tế liên quan đến cai nghiện ma túy và dự phòng lây nhiễm HIV; hỗ trợ tạo việc làm; các Câu lạc bộ sau cai, Tổ công tác cai nghiện, Đội công tác xã hội tình nguyện, Nhóm tự lực tại địa phương nơi học viên cư trú.

Điều 31. Hết hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Học viên đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Giấy chứng nhận được lập thành 04 bản, 01 bản cho học viên đó, 01 gửi Tòa án nhân dân cấp huyện nơi quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, 01 bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên đó cư trú và 01 bản lưu tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Học viên không xác định được nơi cư trú và không còn khả năng lao động thì sau khi hết thời hạn chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì được đưa về cơ sở bảo trợ xã hội tại địa phương nơi cơ sở cai nghiện bắt buộc đóng trụ sở để chăm sóc.

3. Quyền và nghĩa vụ của học viên sau khi chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:

a) Được cấp chứng chỉ, bằng cấp học văn hóa, học nghề (nếu có);

b) Học viên là thân nhân của người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội, thuộc gia đình hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp tiền ăn đường, tiền tàu xe để trở về nơi cư trú;

c) Phải trả lại những vật dụng, trang thiết bị, công cụ lao động và bảo hộ lao động đã mượn, trường hợp làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường.

Điều 32. Khen thưởng, kỷ luật

1. Cá nhân, tổ chức có thành tích trong việc tổ chức thực hiện biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen, khen thưởng.

2. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, học viên có tiến bộ hoặc có thành tích xuất sắc thì được khen thưởng bằng một trong các hình thức sau:

a) Biểu dương khen thưởng;

b) Đề nghị giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại;

c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, học viên vi phạm quy chế, nội quy của cơ sở cai nghiện bắt buộc thì bị kỷ luật bằng một trong các hình thức sau:

a) Phê bình;

b) Cảnh cáo;

c) Giáo dục tại phòng kỷ luật.

4. Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc ban hành quy chế khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương IV
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC

Điều 33. Thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Cơ sở cai nghiện bắt buộc thành lập theo quy định tại Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Cơ sở cai nghiện bắt buộc được thành lập theo địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chịu sự quản lý trực tiếp của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập, giải thể cơ sở cai nghiện bắt buộc phù hợp quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Địa phương có ít người nghiện ma túy có thể gửi đối tượng đến cơ sở cai nghiện bắt buộc của địa phương khác trên cơ sở thống nhất giữa hai địa phương.

Điều 34. Nhiệm vụ của cơ sở cai nghiện bắt buộc

Cơ sở cai nghiện bắt buộc có nhiệm vụ:

1. Tổ chức chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh, điều trị cắt cơn nghiện ma túy, điều trị các rối loạn về thể chất và tâm thần cho học viên. Việc khám và điều trị thực hiện theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống ma túy, phòng, chống HIV/AIDS, vệ sinh môi trường và công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội cho học viên.

3. Tư vấn, giáo dục nâng cao nhận thức, chuyển đổi hành vi phục hồi nhân cách, phòng, chống tái nghiện ma túy, dự phòng lây nhiễm HIV và các bệnh truyền nhiễm khác cho học viên.

4. Tổ chức dạy văn hóa, dạy nghề, lao động phù hợp với nhu cầu, đặc điểm của mỗi học viên và khả năng, điều kiện thực tế của cơ sở.

5. Bố trí địa điểm và thời gian cho học viên tham gia các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, giao lưu văn nghệ và các hoạt động vui chơi giải trí khác.

6. Xây dựng tủ sách và phòng đọc, tạo điều kiện để học viên đọc sách báo xem truyền hình để cập nhật thông tin, nâng cao hiểu biết và kỹ năng sống.

7. Phối hợp xây dựng mô hình, quy trình chữa trị, cai nghiện, phục hồi; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức và nhân viên của cơ sở cai nghiện bắt buộc.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định; giữ gìn an ninh trật tự tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

9. Tổ chức khu vực dành riêng cho học viên là phụ nữ, học viên mắc bệnh truyền nhiễm.

Điều 35. Phối hợp, hỗ trợ trong việc bảo đảm an ninh trật tự và khám chữa bệnh tại cơ sở cai nghiện bắt buộc

1. Khi có vấn đề phức tạp về y tế, an ninh trật tự phát sinh tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản đề nghị Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Công an cấp tỉnh cử cán bộ hỗ trợ cơ sở cai nghiện bắt buộc để xử lý, giải quyết. Trường hợp cơ quan được đề nghị không cử cán bộ hỗ trợ, thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cán bộ được cử hỗ trợ cơ sở cai nghiện bắt buộc chịu sự chỉ đạo và phân công của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 36. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới các cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Ban hành các biểu mẫu về lập hồ sơ đề nghị và thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc để thống nhất thực hiện.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật về xây dựng đối với các cơ sở cai nghiện bắt buộc; phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, chức danh tiêu chuẩn cán bộ cơ sở cai nghiện bắt buộc và trách nhiệm, quyền hạn của Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc; phối hợp với Bộ Y tế xây dựng tài liệu và tổ chức, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về cai nghiện phục hồi tại cơ sở cai nghiện bắt buộc; phối hợp với Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính cho việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

4. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình học tập, giảng dạy xóa mù chữ cho người bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

5. Thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực cai nghiện ma túy.

Điều 37. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Bộ Y tế có trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn chẩn đoán nghiện ma túy; chủ trì, phối hợp Bộ Công an hướng dẫn trình tự, thủ tục xác định tình trạng nghiện ma túy.

2. Nghiên cứu các bài thuốc và phương pháp cai nghiện cho người nghiện ma túy.

3. Chỉ đạo tổ chức tập huấn cho cán bộ y tế các địa phương về xác định tình trạng nghiện ma túy, điều trị hỗ trợ cắt cơn nghiện ma túy.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, chỉ đạo, quản lý các hoạt động y tế trong cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 38. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Hướng dẫn, chỉ đạo cơ quan Công an các cấp trong việc thu thập tài liệu, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; tổ chức đưa

người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm đối tượng bỏ trốn; đảm bảo an ninh trật tự của các cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Tổ chức đào tạo, hướng dẫn việc sử dụng công cụ hỗ trợ và nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ của các cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 39. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xây dựng chương trình học tập, giảng dạy xóa mù chữ cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; hướng dẫn, kiểm tra việc dạy văn hóa, tổ chức thi, cấp bằng, chứng chỉ học văn hóa và hỗ trợ giáo viên dạy xóa mù chữ tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo địa phương tạo điều kiện cho học viên được tiếp tục học tập sau khi chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn nội dung chi, mức chi cho công tác lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; quản lý đối tượng không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; đưa người có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; truy tìm đối tượng bỏ trốn và các khoản chi phí cho học viên trong thời gian chấp hành quyết định tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Điều 41. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng và thực hiện Đề án thành lập, tổ chức lại, giải thể các cơ sở cai nghiện bắt buộc phù hợp với nhu cầu cai nghiện và quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc, tổ chức phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên trong ngành thực hiện việc lập hồ sơ đề nghị và thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Bố trí nguồn lực cho công tác lập hồ sơ đề nghị và thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

d) Định kỳ kiểm tra việc lập hồ sơ đề nghị và thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo Phòng Tư pháp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc lập hồ sơ đề nghị và thi hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã tạo điều kiện cho những người đã chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tìm việc làm, tái hòa nhập cộng đồng và dự phòng tái nghiện.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tổ chức lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chỉ đạo quản lý người vi phạm trong quá trình lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

b) Phối hợp với cơ quan Công an cấp huyện trong việc tổ chức đưa người đã có quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

c) Hỗ trợ, tạo điều kiện để người chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tham gia các nhóm tự lực, câu lạc bộ của người sau cai, giúp họ có việc làm ổn định, tái hòa nhập cộng đồng, dự phòng tái nghiện.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[12]

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2014.

---

[12] Điều 2 của Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 221/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2016 quy định như sau:

"Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 10 năm 2016.

2. Bãi bỏ Điều 5 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP.

3. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này;

b) Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này."

2. Đối với học viên đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng biện pháp đối với người chưa thành niên người tự nguyện và cơ sở chữa bệnh thì tiếp tục thực hiện phần thời gian còn lại theo quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đã ban hành.

3. Bãi bỏ Nghị định số 43/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ quy định việc đưa người nghiện ma túy, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh.

4. Bãi bỏ các Điều 2, 3, 4, 5, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38 và Chương IV Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng biện pháp đối với người chưa thành niên người tự nguyện và cơ sở chữa bệnh.

5. Bãi bỏ Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng biện pháp đối với người chưa thành niên người tự nguyện.

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: 1866/VBHN-BLĐTBXH

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng